TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 937/2024/DS-PT
Ngày: 19/11/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thuỷ;

Bà Mai Thị Mỹ Tiên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Từ ngày 14 tháng 11 năm 2024 đến ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 769/2024/TLPT-DS ngày 10/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 290/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5618/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị A, sinh năm 1947 (Có mặt);

Địa chỉ: 620 B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phú E, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: 7A/43/31 G, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/01/2019, bà có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Bà Nguyễn Thị Phú E. Bà E thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý như sau: Hoàn công 2 căn nhà số: 571 và 573 B, Phường M, Quận D; Kê khai thừa kế di sản căn nhà số

571 B, Phường M, Quận D; làm thủ tục tặng quyền sở hữu qua tên Bà A căn nhà số 571 B, Phường M, Quận D.

Giá trị hợp đồng và Phương thức thanh toán:

- Giá trị hợp đồng là: 80.000.000 đồng.

- Phương thức thanh toán:

+ Bên A sẽ ứng trước cho Bên B là: 40.000.000 đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng này.

+ Số còn lại sẽ thanh toán dứt điểm sau khi hoàn tất công việc (ngay trong ngày): 40.000.000 đồng.

Thời gian thực hiện: Trong thời gian tối đa là 03 tháng.

Điều khoản chung:

Nếu Bên B không giải quyết và thực hiện đúng nội dung công việc thì phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của Bên A.

Hợp đồng trên được ký từ năm 2019 cho đến nay, nhưng Bà E chỉ mới làm được một điều duy nhất là kê khai thừa kế di sản căn nhà 571 B, Phường M, Quận D. Nay bà yêu cầu Tòa án xét xử buộc Bà E phải trả lại cho bà số tiền là 40.000.000 đồng theo hợp đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, không có ý kiến trình bày và không nộp tài liệu chứng cứ.

Bản án dân sự sơ thẩm 290/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Toà án nhân dân Quận D Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phan Thị A.

Buộc Bà Nguyễn Thị Phú E phải trả cho Bà Phan Thị A số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 28/01/2019. Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/9/2024, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Con gái bà là bà Đỗ Phan Thuỵ I chỉ đứng tên sở hữu có một căn nhà 573 B, Phường M Quận D, căn nhà 571 B thì bà I đã tặng cho lại bà Phạm Thị K (là mẹ ruột của bà) ngày 10/4/2022 và khi bà K mất có để lại di chúc cho em gái của bà là Phan Thị L, bà I không còn quyền sở hữu đối với căn nhà này. Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 28/01/2019 thì Bà E làm hoàn công hai căn nhà trên, kê khai di sản thừa kế căn nhà 571 B, làm thủ tục tặng cho quyền sở hữu qua tên Bà A căn nhà 571 B. Bà E nhận hồ sơ làm dịch vụ nhưng không làm gì, việc

khai nhận di sản thừa kế đối với căn nhà 571 B Phường M, Quận D đã thực hiện từ năm 2017, bà I cho rằng do vướng quy hoạch nên không yêu cầu nên Bà E tiếp tục làm tiếp hồ sơ nhà là không đúng vì theo bà thì vẫn có thể tiến hành làm được, nên Bà E vẫn phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền bà đã tạm ứng là 40.000.000đ.

Bị đơn trình bày: Bà yêu cầu kháng cáo sửa bản án sơ thẩm; bà xác định có ký hợp đồng dịch vụ ngày 18/01/2019 với Bà Phan Thị A để làm dịch vụ như nguyên đơn trình bày. Do căn nhà 571 và 573 B có giấy phép xây dựng chung nên phải làm hoàn công chung. Ngay khi ký hợp đồng bà đã đăng ký đo vẽ, làm giấy tờ xác minh người gốc Việt Nam cho bà Phan Thị L, làm thủ tục trước bạ di sản thừa kế. Tuy nhiên do vướng quy hoạch nên không thể cấp hoàn công vì phát sinh hai đồng sở hữu là bà I và Bà L, bà I đã không yêu cầu bà tiếp tục làm hồ sơ hoàn công. Phía Bà A đã đến nhà bà đòi lại toàn bộ hồ sơ nhà 571 B và bà đã giao trả cho Bà A. Nay bà xác định kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đồng ý trả lại Bà A ½ số tiền tạm ứng theo quy định tại điều 5 của hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu bị đơn nộp tại giai đoạn phúc thẩm; căn cứ điều 5 của hợp đồng và công văn 395/QLĐT-QH ngày 27/2/2019 của Phòng quản lý Đô thị về việc cung cấp thông tin quy hoạch tại nhà số 571 đường B, Quận D thể hiện bị đơn đã thực hiện một phần theo hợp đồng dịch vụ. Do đó, bị đơn đồng ý trả lại 50% số tiền tạm ứng là có cơ sở . Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn ½ số tiền tạm ứng, cụ thể là 20.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Căn cứ hợp đồng dịch vụ được ký kết ngày 28/01/2019 giữa nguyên đơn bị đơn;

Tại phiên toà sơ thẩm phía bị đơn không tham dự phiên toà, không xuất trình tài liệu chứng cứ;

Tại đơn kháng cáo kèm tài liệu chứng cứ và tại phiên toà phúc thẩm bị đơn đã xuất trình biên nhận hồ sơ tháng 10/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn; nguyên đơn xuất trình tờ biên nhận có chữ viết của Bà E nhưng không có chữ ký của hai bên;

Nội dung biên nhận trong văn bản do Bà E xuất trình phần bên trái có chữ ký chữ viết của Bà E ghi nội dung: "Ký giao đủ hồ sơ, Bà A đồng ý chấm dứt hợp đồng, không yêu cầu trả lại tiền"; bên phải có chữ ký và viết của Bà A có nội dung: "Đã lấy hồ sơ 571 B", Bà A không thừa nhận nội dung Bà E tự viết bên trái văn bản;

Nội dung tờ biên nhận do Bà A xuất trình: Không có chữ ký và viết của hai bên;

Đồng thời tại phiên toà phúc thẩm phía bị đơn xuất trình tài liệu chứng cứ là Công văn số 395/QLĐT-QH ngày 27/2/2019 về việc cung cấp thông tin quy hoạch tại nhà số 571 B, Phường M, Quận D; bản vẽ nhà 573 B, Phường M Quận D;

Xét thấy, đối với tài liệu chứng cứ được nộp tại giai đoạn phúc thẩm, đã phát sinh tình tiết mới thể hiện trong quá trình làm dịch vụ Bà A đã thực hiện một số công việc theo nội dung của hợp đồng đã ký; phía Bà E chứng minh được việc thực hiện quy trình xác lập hồ sơ nhưng gặp trở ngại không xúc tiến được thủ tục do có quy hoạch ...

Nay bị đơn thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo vì Căn cứ Điều 5 của hợp đồng: bên B chỉ hoàn trả lại 50% số tiền đã nhận tạm ứng của bên A;

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn;

Xét đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Toà án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên không phải nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, Điều 272, Điều 273, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 513, Điều 514, Điều 516, Điều 517 và Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật người cao tuổi;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị Phú E.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 290/2023/DS-ST ngày 20/8/2024; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2024/QĐ-SCBS ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị Phú E trả lại cho Bà Phan Thị A số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hành tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn không phải nộp án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phú E không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận D ;
- Tòa án nhân dân Quận D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Như Hà